

# Cội-Nguồn của Tây-Ban-Cầm

Võ Minh Hải

Ngày nay bất kỳ nhạc sĩ tây-ban-cầm nào cũng có thể trình tấu với cây đàn cổ từ khoảng 150 năm trở lại đây; nhưng những nhạc sĩ tây-ban-cầm 150 năm trước thì không! Điều đó có nghĩa là trước năm 1850, âm tiết lẫn số lượng dây đàn đã được thay đổi không ngừng. Vào 150 năm cuối này, tây-ban-cầm được coi như hoàn chỉnh.

Đàn ghi-ta cổ điển, hay tây-ban-cầm được sử dụng rộng rãi khắp hoàn cầu, bởi đủ mọi giới. Dù Việt ngữ gọi là tây-ban-cầm nhưng nhạc cụ này không bắt nguồn từ xứ Tây-ban-nha (Y-pha-nho) mà xuất phát từ vùng núi Caucasus ở tây nam nước Nga, trên 1400 năm trước Công Nguyên. Sở dĩ nhạc cụ này gắn liền với Tây-ban-nha vì vào khoảng thế kỷ thứ XV, đàn được hình thành tại vùng Andalusia, phía nam bán đảo Iberia - tên xưa của Tây Ban Nha, ráp gianh với xứ Bồ Đào Nha.

Vào thế kỷ thứ 8, quân Maurus từ Bắc Phi xâm chiếm vùng Andalusia, mang theo nhạc khí 3 dây Rabé, kết hợp với dân tình địa phương, tạo ra tây-ban-cầm ngày nay. Nhưng nguồn gốc đàn Rabé không từ người Ả Rập Maurus mà phát nguyên từ nhạc khí cổ của lưu dân vùng Caucasus quanh hai bể Hắc Hải và Lý Hải bên trong nước Nga. Di vật tìm thấy là tượng đá đàn Hittite (1) vào năm 1400 trước Công Nguyên, được xem như gốc tích lâu đời nhất của đàn ghi-ta.

Vào thời kỳ Phục Hưng (1450-

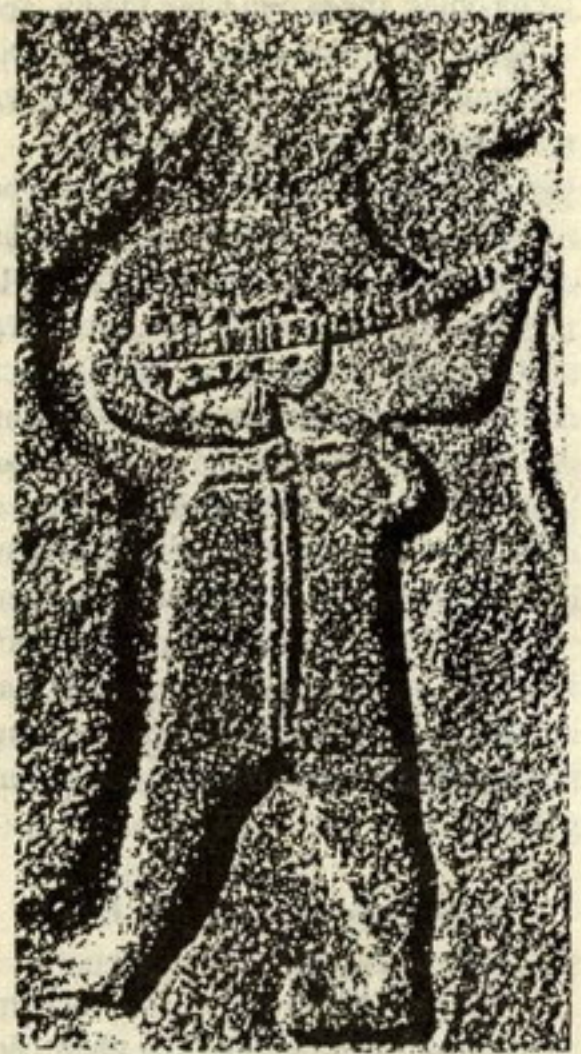
1600) đàn ghi-ta có 3 hoặc 4 dây kép. Sang thời kỳ Ba-Rốc (1600-1750), có 5 dây kép. Đến thời kỳ Cổ Điển (1750-1825), đàn ghi-ta lúc này có các trường phái: 11 dây, 6 dây kép hoặc 6 dây đơn. Hình dáng đàn với 6 dây vào cuối thế kỷ 18 dường như là thời điểm chót của việc cải hoán. Giai đoạn này tiếp theo thời kỳ Lãng Mạn (1825-1910) đã thật sự khép lại cánh cửa thay đổi trong lịch sử chiếc tây-ban-cầm.

Hơn lúc nào hết, chiếc tây-ban-cầm đã, đang và sẽ là một thứ nhạc cụ được ưa chuộng, phổ biến rộng rãi, từ một quán cà phê nơi xóm nhỏ đến buổi độc tấu hoặc hòa nhạc trang nghiêm trong thánh đường. Thật vậy, tây-ban-cầm dứt khoát là một nhạc cụ lãng mạn, quyến rũ và phong phú. Năm 1810, Mauro Giuliani (1781-1829) đã nói với nhạc sĩ cùng thời là Ludwig van Beethoven (1770-1827): "Đàn ghi-ta chính nó đã là một giàn nhạc nhỏ rồi!".

Bây giờ xin mời độc giả hãy cùng chúng tôi tìm về quá khứ và đặc trưng của chiếc đàn 6 dây với hình dáng số 8.

## Đàn Hittite

Đi ngược về 2000 năm trước Công Nguyên [CN], thời của văn minh Ai Cập và Babylon (2), đã có những nhạc khí có dây. Trong thời này, thất-



huyền-cầm (Lyra) là loại đàn dây cổ xưa. Đàn Pandura ở cổ Hy Lạp hay đàn Tambora không phím ngăn của các nước cổ Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ đều có dạng như đàn Lute 3 dây. Dây đàn gồm đủ loại vật liệu thiên tạo như gân, ruột cầm thú hay thớ sợi thảo mộc.

Riêng chiếc tây-ban-cầm bắt nguồn từ khoảng những năm 1400 trước Công nguyên, mà di tích để lại là một bia đá tạc đàn Hittite hiện lưu trữ trong bảo tàng viện Ankara tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Đó là loại đàn dây với cần dài có phím chạy tuốt xuống đáy thùng. Thùng đàn nhỏ mang dạng số 8, trên mặt thùng có mười lỗ nhỏ thoát thanh. Các đặc tính cần lưu ý là phím gảy được treo thông tại ổ khóa dây thất lưng và nơi đỉnh cần đàn có sợi dây dài để đeo lưng. Tất cả cho thấy dân Hittite đã xem âm nhạc như một phần của cuộc sống và thường để sót lại nhạc cụ này trên bước đường lưu lạc.

Một bia đá khác, còn lưu trữ tại viện Quốc gia thủ đô Athens, Hy Lạp, tạc một nữ nhạc sĩ của thành Nhã Điển vào những năm 400 trước CN, cho thấy quá trình phát triển không ngừng

của chiếc ghi-ta qua hàng thế kỷ, ảnh hưởng sâu đậm đến tận vùng Địa Trung Hải. Dạng thùng đàn thời kỳ này mang hình trái lê chẻ dọc.

Vào những thế kỷ sau CN, các bộ lạc du mục từ các vùng Tây Á bắt đầu ò ạt tràn sang Âu Châu. Họ cũng là những du dân có tổ tiên gốc miền Trung Đông như Syria, Ba Tư... ca xướng với các loại nhạc cụ có dây như thất- huyền-cầm. Có thể nói, loại nhạc trữ tình của lưu lãng đoàn này đã len lỏi, ăn sâu vào tâm hồn dân Âu Châu một cách kín đáo và nhẹ nhàng. Theo đó, các loại nhạc khí có dây đã khởi nguyên từ vùng Caucasus, phát lưu qua các bộ lạc miền Tây Á, Trung Đông để đi vào văn hóa Âu Châu tự lúc nào!

### Quân Maurus với đàn Rabé

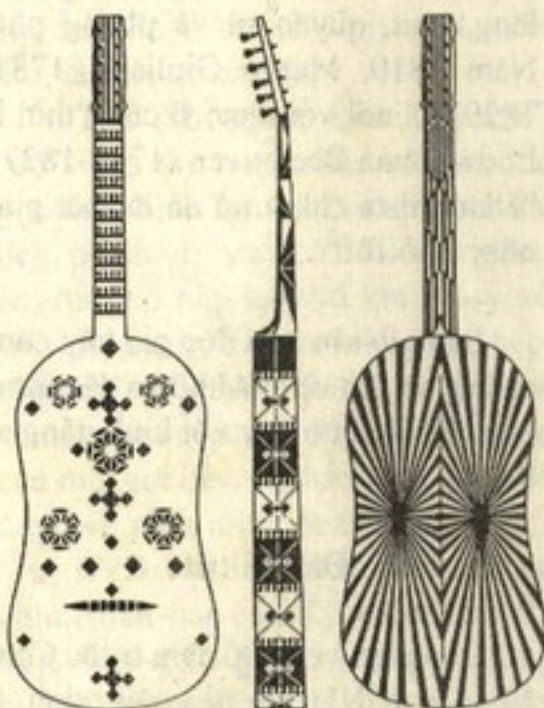
Tại Y Pha Nho vào đầu những năm 700, nhạc cụ Rabé đã theo chân các chiến binh Maurus từ Bắc Phi đến xâm chiếm xứ này. Cây đàn có dạng nửa trái lê chẻ dọc với 3 dây làm bằng ruột thú luôn luôn được chơi với cây cung kéo, đàn đàn theo sở thích của người dân, lan tràn khắp nơi; từ sân khấu kịch nghệ, từ điểm ca lâu đến các buổi hội hè nơi thôn dã.

### Đàn Rabé cải dạng thành đàn Vihuela

Mãi đến khoảng năm 1200, các nhà thờ Y Pha Nho ra lệnh cấm tín đồ Thiên Chúa giáo chơi, nghe hoặc thậm chí đi lại với những ai sử dụng đàn Rabé bởi vì nhạc cụ này gây nên sự đả đốn tâm giới. Nhưng người dân vẫn ưa chuộng âm tiết dân ca, kịch bản đã được soạn với đàn này. Thật khó mà xoá bỏ được ảnh hưởng của tiếng đàn Rabé sau một thời gian dài 5 thế kỷ. Người ta phải tìm cách thay thế nó, và đàn Mandola ra đời. Ngoài việc cải danh, cung kéo bị loại bỏ, đàn Mandola được khảm với một vật nhỏ bằng ngà hay xương thú. Lúc này đàn Rabé vẫn còn được sử dụng nhưng chỉ lén lút và dần dần tuyệt biến vài thế kỷ sau đó.

Suốt 300 năm thay hình đổi âm, tùy theo dân ý và địa phận dùng, Mandola được phát huy với tên gọi mới là đàn Vihuela vào giai đoạn của thời Phục Hưng (1450-1600). Tại Tây Ban Nha, đàn Vihuela được trình diễn với ba kỹ thuật: dùng ngón-móc-dây (mano), dùng cung-kéo-dây (arco) và dùng ngà-thú-khảm-dây (péndola). Lượng dây cũng như khoảng cách phím đàn thay đổi theo nhu cầu ca nhạc từng địa phương. Cả ba cách diễn Vihuela cũng được thử thách và thi thố. Cuối cùng hai kỹ thuật dùng cung kéo và vật khảm đã bị bỏ rơi. Kỹ thuật dùng ngón-móc-dây (Vihuela de mano) trường thành theo ngày tháng.

Vào những năm 1500, đàn Vihuela có 6 dây kép. Rải trên thân thùng đàn là nhiều lỗ thoát âm được phối trí đối xứng và cần đàn có phím. Đàn thượng phẩm Vihuela với những trang trí mang sắc thái Ả Rập, dứt khoát phải được làm bằng gỗ quý như hắc đàn, mun, hồ-đào, bách hương mọc quanh xứ Lebanon. Tường cũng cần nhẵn mịn là vào thời kỳ này, trong các loại nhạc khí căng dây, có nhiều loại đàn khác nhau với đủ hình thù, lượng dây, cách phân phím và âm độ. Nhưng Vihuela phổ quát nhất vì được coi là nhạc khí doan trang của xã hội thượng lưu, là tổ tiên trực tiếp của đàn ghi-ta hiện nay.



Nhạc-khí Vihuela Tây-ban-nha năm 1500

### Ghi-ta Tây-ban-nha

"Guitarra", tiếng Tây Ban Nha, vào những năm 1100 được đề cập như một nhạc cụ có dây đệm cho tự tình thi, vịnh ngâm, bình... Vào những năm 1200 đàn được gọi là "đàn Ghi-ta La-tinh" (Guitarra Latina) có 4 dây kép (A,D,G,B). Đua danh với đàn Vihuela, dưới hình thù nửa trái lê chẻ dọc, đàn ghi-ta La-tinh này được quảng bá mạnh mẽ theo trào lưu suốt mấy trăm năm đến tận thời kỳ Phục Hưng (1450-1600). Vào thời kỳ Baróc (1600-1750), đàn ghi-ta La-tinh đổi từ 4 thành 5 dây kép (G,C,F,A,D) và mang tên mới: "đàn Ghi-ta Tây-Ban-Nha" (Guitarra Espanola). Lúc này, đàn có dạng thoát giống hình số 8 với một lỗ thoát âm nơi trọng tâm và cần đàn có phím. Từ đây đàn mang tên "Tây-ban-cầm".

Đàn Vihuela từng phổ cập trong dân gian, đặc biệt tại Y Pha Nho, Ý Đại Lợi cũng như các vùng khác ở Âu Châu, nay bị bỏ rơi và chìm dần vào lãng quên.

### Hoàng kim thời đại với thời kỳ Cổ Điển (1750-1825)

Khuynh hướng tu chỉnh âm độ dây đàn cũng như nhịp phân phím vẫn tiếp tục, chứng tỏ các nhạc sĩ luôn muốn phát triển tối đa biên cương âm giai để



Tây-ban-cầm năm 1700

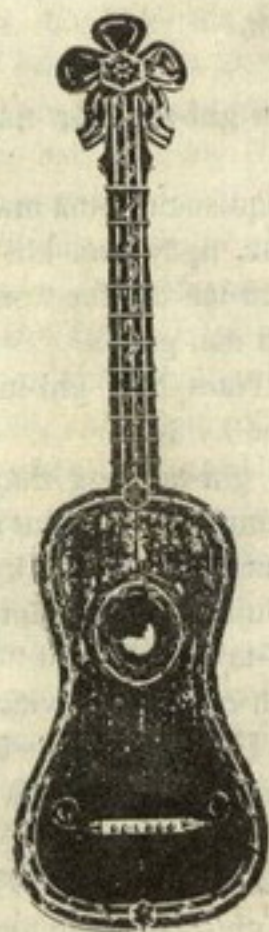
đáp ứng nhu cầu phong phú và sự thổi thục của nền ca-nhạc-kịch. Trên tinh thần đó, vào thời kỳ Cổ Điển (1750-1825), tây-ban-cầm được bổ sung một dây nữa tức đàn có 11 dây: 5 dây kép (G,C,F,A,D) và một dây đơn (G). Lối phân phím đàn cũng không giống như tây-ban-cầm cổ điển ngày nay. Đến khoảng năm 1780, đàn ghi-ta đã chuyển sang 6 dây đơn với hình dạng số 8 rõ rệt hơn, nổi hẳn so với trường phái dây kép.

Đây là Hoàng Kim Thời Đại của lịch sử chiếc tây-ban-cầm do công lao cải cách, hoàn chỉnh cũng như đóng góp của các nhạc sư nổi tiếng tiêu biểu như: Ferdinando Carulli (1770-1841), Fernando Sor (1778-1839), Maura Giuliani (1781-1829), Dinisio Aguado (1784-1849), Matteo Carcassi (1792-1853) ...

Từ những năm 1800 trở về sau, âm và dạng của chiếc tây-ban-cầm tương đối ít có những thay đổi lớn. Dân gian dường như đã phần nào mãn nguyện với nhạc khí này.

### Đàn Carulli và đàn Torres

Đặc trưng của sự chuyển tiếp giữa

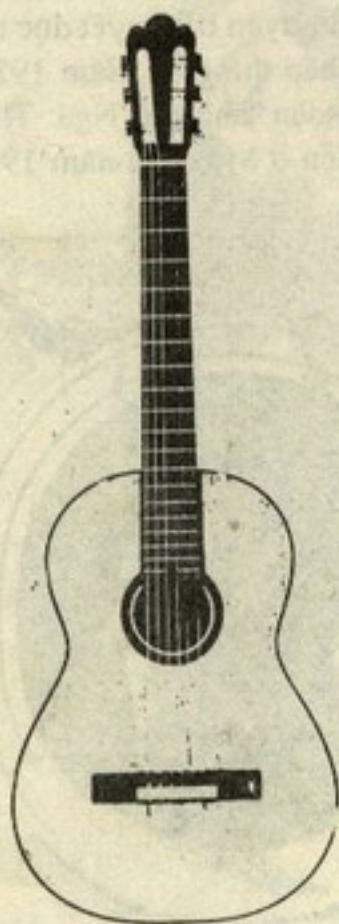


đàn Carulli (1810)

thời kỳ Cổ Điển và thời kỳ Lãng Mạn là hai xuất phẩm: đàn Carulli và đàn Torres.

Năm 1810, Ferdinando Carulli đã lừng danh với cây đàn 6 dây do chính ông sáng chế tại Ý Đại Lợi. Ông chỉ thiết kế 11 phím ngăn và cần đàn cho thấy các kích thước quan-hệ khác nhiều với chiếc tây-ban-cầm hôm nay. Đàn ghi-ta Carulli này được truyền lại cho chính con trai 13 tuổi là Gustave Carulli. —t lâu sau, Gustave trở thành giảng sư Nhạc Viện Quốc Gia Ba Lê. Nơi Nhạc Viện này, di tích đàn ghi-ta Carulli cùng với kho tàng nhạc phổ còn lưu lại, cho thấy 6 dây đàn thuở đó được lên âm giống hệt như đàn hiện nay: (E,A,D,G,B,E). Cột trụ nội dung và hình thức của tây-ban-cầm hiện kim bắt đầu từ cánh cửa này. Giờ đây nhạc phổ của vị nhạc sư thiên bẩm F. Carulli còn là bài học vỡ lòng cho học sinh một số trường phái tây-ban-cầm.

Đàn ghi-ta Torres là bằng chứng hiển nhiên cho thấy sự tương tự của chiếc tây-ban-cầm hôm nay với cây đàn ghi-ta được sáng tạo khoảng 150 năm trước. Trong số trên dưới 160 sản phẩm Torres thì chiếc đàn trong hình



đàn Torres (1863)

được thiết kế vào năm 1863 vẫn tồn tại và thuộc bộ sưu tầm của R.L. Augustine (3).

Antonio Torres (1817-1892) đã định nghĩa chiều dài dây đàn lý tưởng (65 cm) tương ứng với kích thước cán và thùng đàn. Chính ông đã sáng tạo ra hệ thống quạt gỗ bên trong mặt thùng đàn để hãm ngẫu lực xoắn từ sức căng của dây đàn và phân bố độ rung tối đa của chúng. Cường độ tấu từ cây đàn này rất mạnh. Không những thế, đàn còn nhẹ bắm và sự vận động dây lưu thoát dễ dàng đã làm kiểu mẫu cho thủ công nghệ tây-ban-cầm cổ điển từ 150 năm nay. Nói cách khác, đàn ghi-ta Torres là bản lề của cánh cửa đóng lại sự phát triển từ thuở đàn Hittite được tìm thấy khoảng 3200 năm trước.

### Francisco Tárrega: một vĩ nhân

Đàn ghi-ta Torres như con triện trong áng văn tây-ban-cầm. Từ đó chẳng ai nghĩ đến việc sửa âm đổi dây hay cấu trúc đàn nữa. Vào giữa thế kỷ 19, một thiên tài tây-ban-cầm ra đời: Francisco Tárrega (1852-1909). Dựa vào đàn ghi-ta Torres sẵn có, ông quyết định khai sáng các âm hiệu lẫn âm giai. Đúc kết thành quả của các nhạc sĩ thời kỳ Vàng Son, ông phát triển kỹ thuật chạy dây và ngón cho tây-ban-cầm, để lại đến tận ngày nay.

Mở một chân trời mới trong ngành ghi-ta cổ điển, Tárrega đã sáng lập



Francisco Tárrega (1852-1909)

nguyên tắc dùng ngón bàn tay phải. Phương pháp hoá, khai thác tối đa diễn biến sắc độ giữ và chuyển âm, song song với kỹ thuật chạy ngón và móc dây, Tárrega đã để lại một kho tàng mà ngày nay các nhạc sĩ ghi-ta đều dày công thao luyện.

Tướng cũng cần nhấn mạnh là trong thời kỳ Lãng Mạn (1825-1910), tây-ban-cầm tuy được khởi động nhưng vẫn bị hạn chế vì tầm vóc diễn đàn quá nhỏ. Chính Tárrega, nhạc sĩ am tường cả dương cầm lẫn tây-ban-cầm, đã phục sinh và nâng đàn ghi-ta lên hàng tấu nhạc oai danh bằng 20 năm du diễn với cây đàn Torres khắp Ý Pha Nho và các thành phố lớn Âu châu như Luân-đôn, Ba-lê, La mã. Ông đã truyền bá và phát huy cao độ chức năng đàn ghi-ta.

Không chỉ dừng chân ở đó, Tárrega còn tiên phong cải tác 120 tuyệt phẩm của Ludwig van Beethoven (1770-1827), Jean Sébastien Bach (1685-1750), Josef Haydn (1732-1809)... từ dương cầm và đại phong cầm ra tây-ban-cầm để chứng tỏ tiềm năng tuyệt hảo của nhạc cụ này. Trứ danh hơn nữa, ông còn tự soạn các bậc tấu (fantasias), học tấu (études), dạo khúc (préludes) và các đại nhạc khúc nổi tiếng khác như *Recuerdos de la Alhambra*, *Danza mora*, *Capricho árabe*... Đặc biệt là 78 tấu khúc của ông khi vừa diễn đã gây chấn động sâu xa vào tình cảm của thính giả.

Sự nghiệp đang trên tột đỉnh thì Tárrega bị liệt bại khi ông mới ngoài 50 và qua đời năm 57 tuổi.

## Thế kỷ 20 và Andrés Segovia

Hồi đầu thế kỷ 20, tại miền nam Tây ban nha thuộc thành Granada, một cậu bé mới 14 tuổi đã hiển hách độc tấu tây-ban-cầm trước quần chúng và được báo chí đăng tin như một thiên tài âm nhạc vừa xuất hiện.

Thần đồng âm nhạc ấy chính là Andrés Segovia (1893-1987). Tên ông gắn liền với sự truyền bá đàn ghi-ta trên đại sân khấu, sự bổ sung cấu trúc đàn Torres, sự áp dụng dây ni-lông, sự trợ hứng giúp các nhà soạn nhạc viết

hoà tấu đặc biệt cho ghi-ta ...

Lọt lòng từ mạch đất ấm của nhiều nhạc sĩ trứ danh, vùng Andalusia, để sinh trưởng tại Granada, cậu Segovia từ chối việc học dương cầm, vĩ cầm, hồ cầm mà gia đình dành cho. Không được ai hướng dẫn đàn ghi-ta, Segovia đã vừa là học trò cần mẫn vừa là giáo sư tận tụy cho chính mình để rồi trở thành một nhạc sư lừng danh khắp năm châu.

Sau lần độc tấu trước quần chúng bình dân và được khen ngợi ấy, Segovia được mời trình diễn liên tiếp nơi các tỉnh lớn Córdoba, Sevilla, Barcelona... cũng như tại thủ đô Madrid. Các buổi trình diễn này đã lót đường cho 80 năm hoạt động, bành trướng và nâng cấp tây-ban-cầm.

Cuối đệ nhất thế chiến, Segovia sang Nam và Trung Mỹ, làm giật mình khán giả với những tiết tấu mãnh liệt mà không ai ngờ chiếc ghi-ta thô sơ có thể diễn đạt.

Huy hoàng trong lần trình tấu đầu tiên tại Ba-Lê năm 1924, trước vô số nhạc sư từ các đại nhạc viện, ngón đàn điêu luyện và vũ bão của Segovia đã chứng minh rõ rệt tây-ban-cầm có khả năng ngang bằng các nhạc cụ hòa tấu khác trong buồng thính nhạc.

Segovia, như một nhà truyền giảng Phúc Âm, đã truyền bá thuyết độc tấu đàn ghi-ta khắp thế giới. Năm 1925, ông chu du toàn lãnh thổ Nga. Thời gian trình diễn ở Mỹ châu năm 1928



Andres Segovia (1893-1987)

tuy ngắn vì đích hành trình là Á Châu nhưng ông đã ghi sâu vào lòng thính giả mỗi châu niêm xác tín rằng tây-ban-cầm là nhạc cụ độc tấu thượng hạng.

Năm 1936 Hội Tây-Ban-Cầm Nữ Ước đưa ông lên ghế chủ tọa. Năm 70 tuổi, Segovia được cấp hàm Tiến sĩ Văn chương Danh dự từ đại học nước nhà, Santiago de Compostela. Đại học Florida Hoa Kỳ năm 1967 trao phần thưởng Tiến sĩ Danh dự về Âm Nhạc.

Tướng cũng cần nhấn mạnh là kỹ thuật đóng và dựng đàn ghi-ta cổ-điển ngày nay đã được Segovia tiêu chuẩn hoá. Xuất thân từ thành Granada, lò đào tạo thủ công nghệ đàn trứ danh, ông đi sát với các chuyên gia đóng đàn, gây dựng một khuôn mẫu vững chắc về thể và đúng mức về thanh. Thí dụ như việc tiên phong dùng dây ni-lông, xác định gỗ bách hương làm mặt đàn, củng cố bộ thanh gỗ "Torres" tựa ràng dưới mặt đàn, tu bổ đế-cầu (bridge) để chuyển giao động âm và năng lượng rung từ dây tủa khắp mặt đàn hữu hiệu hơn...

Cũng nhờ ngón đàn kỳ tài của Segovia mà các soạn nhạc gia như Manuel Ponce, Heitor Villa Lobos, Joaquín Rodrigo... đã có cảm hứng soạn các nhạc khúc đặc biệt cho tây-ban-cầm.

## Đàn ghi-ta khắp năm châu

Conquistador, nhà mạo hiểm Tây-Ban-Nha, ngày xưa khi chinh phục các miền tân đại lục xong đã lưu lại dấu tích đàn ghi-ta.

Tại Nam Mỹ, ghi-ta đã có mặt trước thế kỷ 16.

Đàn ghi-ta cũng được nhiệt liệt hưởng ứng tại Pháp như một nhạc cụ rất là "nam Âu" vào thế kỷ 14 và được gọi là Guiterre. Vào những năm 1500, đàn ghi-ta với sắc thái "Y-Pha-Nho" đã thành công trong việc len lỏi vào vùng Tiệp-Đức-Áo, vùng đất sản xuất những nhạc khí và nhạc sĩ trứ danh.

Franz Schubert (1797-1828) với cây đàn ghi-ta treo đầu giường, ưa phổ nhạc vào mỗi sáng trước khi thức dậy.

Lúc ghi-ta đang phát triển mạnh mẽ ở xứ mẹ thì tại Anh Cát Lợi, loại đàn gittern được gảy bằng phím rất thịnh hành. Tây-ban-cầm theo quân Nã Phá Luân du nhập nước Anh và dân chúng ngưỡng mộ nhạc cụ này từ lúc F. Sor viếng năm 1809.

Danh từ Chitarrino được đề cập vào thế kỷ 16 tại Ý Đại Lợi để ám chỉ loại đàn ghi-ta dùng để soạn nhạc cưới gả.

Tại Hoa Kỳ Benjamin Franklin (1706-1790) được biết như một người am tường tây-ban-cầm.

Từ tiền thân là đàn Hittite có mặt khoảng 1400 năm trước Công Nguyên, đàn ghi-ta đã thay đổi, cải cách cả từ hình dạng lẫn âm sắc để thành chiếc tây-ban-cầm ngày nay.

Tây-ban-cầm đã đạt được vị trí rất vững trong nền âm nhạc nhân loại. Nó có mặt khắp nơi, từ vùng thôn quê hẻo lánh đến chỗ thị thành náo nhiệt; hoặc giúp phổ diễn tâm tư tình cảm một cá nhân hoặc góp tiếng trong buổi hoà nhạc đông đảo. Có thể nói, không một nhạc khí nào gần với mọi tầng lớp quần chúng và phổ quát bằng tây-ban-cầm.

#### Chú thích:

1. Hittite là dân du mục, dùng thổ ngữ Ấn-Âu (Indo-European), địa bàn sinh sống là giải núi Caucasus ở đông nam Âu châu, giữa hai biển Lý hải và Hắc hải, giáp các nước Nga, Georgia, Azerbaijan và Armenia. 2000 năm trước

Công Nguyên, dân Hittite đã chế ngự các vùng Tiểu Á, Syria, cao nguyên Anatolian xứ Thổ Nhĩ Kỳ... Đến khoảng năm 1200 trước CN, người Hittite bị người vùng Tây Á và Ai Cập tiêu diệt.

2. Babylon: phế tích bên bờ Euphrates cạnh thành Bagdad, nước Irak.

3. Thuộc dòng dõi A. Augustine, người Đan Mạch sống tại Nữ Ước vào đệ nhị thế chiến, là người đóng đàn và phát triển dây ni-lông đầu tiên cho nhạc sư Andrés Segovia. Tuy nhiên có dư luận không đồng ý việc coi ông Augustine là người tiên phong phát minh ra dây ni-lông. Trong số đó có ông Rifat Esenbel, người Pháp gốc Thổ, tuyên bố đã thí nghiệm dây ni-lông trước đó rất nhiều năm, và hãng Dupont chuyên sản xuất dây cho dù lính từ lâu trước đệ nhị thế chiến.

4. Chính thợ thủ công Tây-Ban-Nha M. Ramirez (1869-1920) đã làm đàn du lịch đầu tiên cho Segovia thời thế chiến thứ nhất và sau đó người Đức H. Hauser (1882-1952) thiết kế đàn đúng khổ tay khỏe của ông. Segovia có thành công trên nhạc trường hay không cũng nhờ hai vị này.

5. Cố nhạc sĩ 94 tuổi Segovia nổi tiếng là có hai bàn tay vạm vỡ với cường độ đánh rất mạnh trong khi những ngón tay của ông lướt nhẹ như sóng nước. Nhờ kỹ thuật dùng ngón hoạt năng, ông đã phi thường trình tấu ở các đại thánh đường với hàng ngàn khán giả bằng vồn vẹn đúng một cây ghi-ta, tức không cần hệ thống phát thanh.

6. Ngay từ trẻ, tại thành Granada, Segovia thường lưu tới các xưởng đóng đàn với sở thích cấu trúc. Ông đã tận tụy làm việc ngày đêm với các thợ thủ công Tây-Ban-Nha để chế tạo đàn sao cho đạt thanh âm và vang. Nhịp độ sản xuất (bằng tay) cho mỗi một cây đàn là 200 giờ. Sau thế chiến thứ hai, Nhật gửi M. Kohno sang học làm đàn. Không lâu, đàn Kohno đoạt giải âm thanh từ Nữ Hoàng Elizabeth. Khắp Âu Châu từ thập niên 70 đến nay, đàn Nhật tràn ngập các cửa tiệm nhạc cụ vì giá đàn rẻ và phẩm chất tốt. Nhờ kỹ thuật tân tiến của Nhật ngày nay, không xứ nào bì kịp nền sản xuất đàn ghi-ta cổ-diễn với vồn vẹn 2 tiếng đồng hồ cho một cây đàn! Đã vậy, Nhật Bản còn bán nền kỹ nghệ thành công khét tiếng này cho Đài Loan, Nam Hàn.

